TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-PT
Ngày 04-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Đặng Thị Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29-12-2021 và ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/TLPT-DS ngày 04-10-2021, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/20201DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2021/QĐPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Ngọc N, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: Khu phố 4, phường LH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Y, sinh năm: 1995; địa chỉ cư trú: Khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/12/2020) có mặt.

Bị đơn: Chị Dương Thị Thùy D, sinh năm: 1986 và anh Trần Bá C, sinh năm: 1985; Cùng địa chỉ: Ấp PT 2, xã P, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người kháng cáo: Chị Dương Thị Ngọc N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Đại diện cho nguyên đơn anh Lê Y trình bày:*

Giữa chị N và chị D, anh C có mối quan hệ quen biết thân thiết nên ngày 15-01-2018, chị N có cho anh C và chị D mượn số tiền 604.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, giao tiền tại nhà của chị N, có làm giấy 01 bản do chị D viết và ký tên, không ghi ngày tháng, anh C không ký tên. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói 1%/ tháng, đã nhận 12 tháng tiền lãi là 60.400.000 đồng, thời hạn trả nợ 12 tháng. Ngoài ra chị N có nhờ chị D góp nhiều phần hụi tổng cộng đã đưa là 122.800.000 đồng (không có chứng cứ, chứng minh cho việc góp hụi), hai bên có chốt nợ lại với nhau tiếp theo trên giấy mượn tiền, tuy nhiên cũng không ghi ngày tháng và anh C cũng không ký tên. Chị N đòi nợ nhiều lần nhưng chị D, anh C không trả nợ.

Chị N yêu cầu chị D và anh C có trách nhiệm trả số tiền mượn 604.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ ngày khởi kiện 09-12-2020 cho đến ngày xét xử và yêu cầu trả lại số tiền đã đưa là 122.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* *Bị đơn chị Dương Thị Thùy D trình bày:* Chị và chị N là bạn bè thân thiết với nhau nay được 03 năm và có buôn bán làm ăn qua lại với nhau, nay chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu chị và anh C có trách nhiệm trả số tiền mượn 604.000.000 đồng, tiền lãi và 122.800.000 đồng đã đưa để góp hụi dùm, tổng cộng là 726.800.000 đồng chị không đồng ý vì giữa chị và anh C không vay, không nhận tiền góp hụi dùm, vợ chồng đã ly hôn nên không đồng ý trả theo yêu cầu của chị N.

Bị đơn anh Trần Bá C trình bày: Anh và chị D đã ly hôn, anh không biết việc chị D có mượn tiền và nhận tiền góp hụi dùm cho chị N do vậy nay anh không đồng ý trả số tiền nợ theo yêu cầu của chị N vì anh không biết, không ký tên trong giấy nợ và không liên quan nên chị D tự chịu trách nhiệm trả nợ cho chị N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 166, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản".

Không chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Ngọc N về việc yêu cầu anh Trần Bá C có trách nhiệm liên đới cùng chị Dương Thị Thùy D trả nợ.

Buộc chị Dương Thị Thùy D có trách nhiệm trả lại cho chị N số tiền gốc 604.000.000 đồng, tiền lãi 35.233.000 đồng và 122.800.000 đồng. Tổng cộng là 762.033.000 (Bảy trăm sáu mươi hai triệu không trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

2. Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí; chi phí giám định và quyền kháng cáo.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, chị Dương Thị Ngọc N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu anh Trần Bá C có nghĩa vụ liên đới cùng bà Dương Thị Thùy D trả tiền nợ vay, tiến lãi và tiền hụi cho chị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Chị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ trong vụ án hình sự "Cố ý gây thương tích" anh C xác định: Khoảng 3 năm trước thì chị N làm ăn chung với nhau về mua bán quần áo, thuốc tây. Sau đó thì Nương nói chị D thiếu tiền của Nương và Nương thường đến nhà anh C chị D đòi tiền nhưng chị D nói không có thiếu nợ gì với Nương. Thời điểm này anh C và chị D đang chung sống như vợ chồng chưa ly hôn, chị D và anh C đều thừa nhận chị D và chị N có làm ăn mua bán chung với nhau, anh C có sang nhà chị D để giao hàng. Việc chị D mượn tiền, mua bán cùng với chị N phát sinh lợi nhuận cho kinh tế gia đình, anh C không ký tên vào giấy mượn tiền nhưng căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình thì cần buộc anh C có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền mượn 604.000.000 đồng, tiền lãi 35.233.000 đồng và 122.800.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu xét xử vụ án vào ngày 09-7-2021. Chị Dương Thị Ngọc N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm vào ngày 19-7-2021, kháng cáo còn trong thời hạn nên kháng cáo của chị N hợp lệ.

Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Dương Thị Ngọc N yêu cầu anh Trần Bá C có nghĩa vụ liên đới cùng chị Dương Thị Thùy D trả tiền nợ vay, tiền lãi và tiền hụi cho chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Giấy mượn tiền 604.000.000 đồng và tiền đưa nhờ góp hụi 122.800.000 đồng ghi chung trên 01 tờ giấy có chữ viết, chữ ký mượn tiền của chị D không ghi ngày tháng năm. Chị D không thừa nhận nợ nên chị N yêu cầu trưng cầu chữ viết, chữ ký của chị D trên giấy nợ. Tại kết luận giám định số 1713/C09B ngày 02-4-2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên "Dương Thị Thùy D" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết ra nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị D có mượn của chị N 604.000.000 đồng và có nhận của chị N số tiền 122.800.000 đồng để góp hụi là có căn cứ.

[2.2] Trong giấy mượn tiền anh C không ký tên, anh C cũng không thừa nhận có biết chị D có thiếu tiền chị N hay không. Chị N xác nhận khi giao tiền có mặt anh C nhưng chị N cũng không yêu cầu anh C ký tên. Đối với số tiền nhờ góp hụi dùm, khi chốt nợ cũng không có mặt anh C. Mặt khác, việc cho mượn tiền chỉ hai bên biết và việc đưa tiền nhờ tham gia góp hụi cũng không có gì để chứng minh vì không biết chủ hụi là ai, không có danh sách hụi, chị N cũng chưa có lần nào gặp mặt anh C để nói về số nợ này hay đòi nợ mặc dù anh C có đi giao hàng cho chị N nhiều lần.

[2.3] Trên giấy nợ, giấy chốt tiền hụi không thể hiện ngày ngày tháng năm nên không chứng minh số nợ này được xác lập trong thời kỳ hôn nhân vì chị D và anh C đã ly hôn theo Quyết định số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2020.

[2.4] Tại cấp phúc thẩm, đại diện nguyên đơn có đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ trong vụ án hình sự sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện Dương

Minh Châu thụ lý số: 50/2020/TLST-HS ngày 15-9-2020 đối với bị cáo Nguyễn Phi Cường bị truy tố về tội "Cố ý gây thương tích". Tại Biên bản ghi lời khai của anh Trần Bá C (bút lục số 23 ngày 07-4-2020), anh C xác định: " *khoảng 3 năm trước thì vợ tôi (Dung) và Nương làm ăn chung với nhau về mua bán quần áo, thuốc tây. Sau đó thì Nương nói vợ tôi thiếu tiền của Nương và Nương thường đến nhà tôi đòi tiền nhưng vợ tôi nói không có thiếu nợ gì với Nương"* Nội dung trên chỉ thể hiện 3 năm trước, có nghĩa là năm 2017 chị N và chị D có làm ăn chung với nhau, không thể hiện anh C có thừa nhận nợ tiền của chị N và thể hiện rõ mốc thời gian nợ. Đại diện của nguyên đơn không chứng minh được số tiền chị N cho chị D mượn là tiền dùng vào việc mua bán cùng với chị N nhằm phát sinh lợi nhuận cho kinh tế gia đình, anh C không ký tên vào giấy mượn tiền nên không có căn cứ buộc anh C có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền mượn 604.000.000 đồng, tiền lãi 35.233.000 đồng và 122.800.000 đồng đã đưa để góp hụi. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N.

[3] Về cách tuyên án trong phần quyết định: Chị N khởi kiện yêu cầu anh C, chị N trả số tiền mượn 604.000.000 đồng và 122.800.000 đồng đã đưa để góp hụi. Có căn cứ chị D có mượn tiền nhưng không có căn cứ buộc anh C có trách nhiệm liên đới cùng chị D trả cho chị N, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: "Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản". Không chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Ngọc N về việc yêu cầu anh Trần Bá C có trách nhiệm liên đới cùng chị Dương Thị Thùy D trả nợ" là không đúng nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng.

[4] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N buộc anh C có trách nhiệm liên đới cùng chị D trả cho chị N số tiền gốc 604.000.000 đồng và tiền lãi 35.233.000 đồng; 122.800.000 đồng tiền góp hụi. Đề nghị của Viện kiểm sát không có căn cứ (như phân tích trên) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N nên chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Dương Thị Ngọc N

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

2. Căn cứ vào Điều 166, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Buộc chị Dương Thị Thùy D có trách nhiệm trả lại cho chị N số tiền gốc 604.000.000 đồng, tiền lãi 35.233.000 đồng và 122.800.000 đồng tiền hụi. Tổng cộng là 762.033.000 (Bảy trăm sáu mươi hai triệu không trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Ngọc N yêu cầu anh Trần Bá C có trách nhiệm liên đới cùng chị D trả nợ.

- Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Thùy D phải chịu: 34.481.320 (Ba mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi mốt ngàn, một trăm ba mươi hai đồng).

Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị N số tiền tạm ứng án phí 16.536.000 đồng theo biên lai thu số 0005389 ngày 15-12-2020.

- Chi phí giám định : Chị Dương Thị Thùy D phải chịu chi phí giám định là 5.400.000 đồng theo quy định tại các Điều 160, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; do chị N đã tạm ứng trước số tiền trên, nên chị D phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị N.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Dương Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0005857 ngày 14-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp xong.

4. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện DMC;
- Chi cục THADS huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mai Dung